

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 296/2025/DS-PT
Ngày: 31/3/2025
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Anh Minh

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Thủy

Bà Nguyễn Thị Minh Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích Lương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 1075/2024/DS-PT ngày 10/12/2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 854/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 545/2025/QĐ-PT ngày 14/02/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2919/2025/QĐ-PT ngày 06/3/2025 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1982; Cư trú: Số B Hẻm S đường G, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tây Ninh (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lê Mạnh H, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số D P, Khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (Hợp đồng ủy quyền số công chứng: 5786, quyền số 12/2023/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 05/7/2023 tại Văn phòng C1, tỉnh Tây Ninh) - (Vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Phan Văn B, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số E Đường D, Ấp E, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh - (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Hiếu N1, sinh năm: 1997; Địa chỉ: Số B N, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh (Hợp đồng

ủy quyền số công chứng: 003440, quyền số 07/2024 TP/CC-SCC/HDGD ngày 23/7/2024 tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh) - (có mặt).

Người kháng cáo: Bị đơn ông Phan Văn B kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn bà Đỗ Thị N có mối quan hệ quen biết thân thiết với ông Phan Văn B nên vào giữa năm 2020 (trong đợt dịch Covid -19), ông B có gọi điện thoại di động cho bà N hỏi mượn tiền do việc kinh doanh vận tải gặp khó khăn. Vì vậy, bà N có cho ông B mượn số tiền 362.600.000đ (ba trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng), bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 19033083645012 của ông B mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K1 (viết tắt là T) 06 lần, cụ thể: Ngày 05/4/2021: 20.000.000 đồng; Ngày 28/6/2021: 4.600.000 đồng; Ngày 30/9/2021: 30.000.000 đồng và 5.000.000 đồng; Ngày 04/10/2021: 300.000.000 đồng; Ngày 15/10/2021: 3.000.000 đồng.

Các bên không lập giấy vay mượn nợ, không thỏa thuận lãi suất, chỉ thỏa thuận bằng lời nói qua đợt dịch C - 19 (khoảng 01 tháng) thì ông B sẽ trả nợ cho bà N. Sau đó, ông B chuyển trả tiền 02 lần được 6.000.000 đồng (ngày 25/11/2021: 5.000.000 đồng; ngày 27/11/2021: 1.000.000 đồng).

Nay bà Đỗ Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Văn B trả cho bà số tiền mượn 362.600.000đ (ba trăm sáu mươi hai triệu sáu trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi. Thi hành một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai và Biên bản hòa giải ngày 26 tháng 8 năm 2024, ông Nguyễn Hiếu N1 là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Phan Văn B trình bày:

Vào năm 2020, giữa ông B với bà Đỗ Thị N có mối quan hệ tình cảm nam nữ yêu đương nên bà N đã tự nguyện tặng cho ông B số tiền 362.600.000 đồng trên cho ông B bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản 19033083645012 của ông B mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần K1 (T) 06 lần, cụ thể: Ngày 05/4/2021: 20.000.000 đồng; Ngày 28/6/2021: 4.600.000 đồng; Ngày 30/9/2021: 30.000.000 đồng và 5.000.000 đồng; Ngày 04/10/2021: 300.000.000 đồng; Ngày 15/10/2021: 3.000.000 đồng chứ không phải là quan hệ vay mượn tiền như bà N trình bày. Ngoài ra, ông B cũng chuyển tiền cho bà N nhiều lần để hỗ trợ nhau trong công việc và cuộc sống.

Ông cam kết vào trước ngày 11/9/2024, ông sẽ cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh người tên N trong Z là số điện thoại di động của bà Đỗ Thị N sử dụng để nhắn tin trao đổi với số điện thoại ông Phan Văn B để chứng minh giữa

ông B và bà N có quan hệ tình cảm nam nữ yêu đương. Ngoài ra, cung cấp bằng sao kê những lần mà ông B đã chuyển tiền cho bà N chứ không phải trả nợ.

Qua đơn yêu cầu khởi kiện của bà N yêu cầu ông B trả số tiền 362.600.000 đồng thì ông B không đồng ý và yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền mà ông B chuyển trả 02 lần vào ngày 25/11/2021: 5.000.000 đồng và ngày 27/11/2021: 1.000.000 đồng, tổng cộng 6.000.000 đồng cho bà N. Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc ông B trả cho bà N số tiền 356.600.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Hiếu N1 giao nộp cho tòa án Văn bản Vi bằng số 439/2024/VB-TPL ngày 24/9/2024 của Văn phòng phát lại Quận E lập theo yêu cầu của ông Phan Văn B. Đồng thời cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Lê Mạnh H tiếp cận Văn bản Vi bằng nêu trên để chứng minh giữa bà N và ông B có mối quan hệ yêu đương và số tiền 362.600.000 đồng mà bà N chuyển khoản cho ông B là bà N tự nguyện tặng cho ông B chứ không phải quan hệ vay mượn.

- Ông Lê Mạnh H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tại buổi hòa giải ngày 26/8/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn đều không thừa nhận số điện thoại di động 0843286979 là của bà N. Nguyên đơn chỉ thừa nhận số điện thoại 0886683143 của nguyên đơn đang sử dụng và số tài khoản 19023551050018 của bà Đỗ Thị N mở tại T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 854/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu buộc ông Phan Văn B trả lại cho bà Đỗ Thị N số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) của nguyên đơn.

Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị N đối với bị đơn Phan Văn B.

Buộc bị đơn ông Phan Văn B phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị N số tiền 356.600.000đ (ba trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm. Quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 08/10/2024, bị đơn ông Phan Văn B có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự không nộp thêm chứng cứ mới.

Đại diện bị đơn trình bày: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo theo đơn kháng cáo ngày 08/10/2024 của nguyên đơn, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn bà Đỗ Thị N và người đại diện theo ủy quyền vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng tại giai đoạn phúc thẩm chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 854/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Quốc K nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên đơn kháng cáo được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn bà Đỗ Thị N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lê Mạnh H vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo quy định.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn B, đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả số tiền 356.600.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị N khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phan Văn B trả số tiền 362.600.000 đồng đã cho bị đơn mượn vào năm 2021, cụ thể đã chuyển vào tài khoản của bị đơn 06 lần, ngày 05/4/2021 chuyển 20.000.000 đồng; Ngày 28/6/2021 chuyển 4.600.000 đồng; Ngày 30/9/2021 chuyển 30.000.000 đồng và 5.000.000 đồng; Ngày 04/10/2021 chuyển 300.000.000 đồng; Ngày 15/10/2021 chuyển 3.000.000 đồng. Hai bên không lập giấy vay mượn nợ, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Nguyên đơn cho rằng số tiền này cho bị đơn mượn, bị đơn cho rằng số tiền này nguyên đơn tặng cho bị đơn vì giữa 02 bên có quan hệ tình cảm. Xét, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và lời khai xác nhận của các đương sự có cơ sở xác định nguyên đơn (bà N) có chuyển qua tài khoản cho bị đơn (ông B) 06 lần với tổng số tiền là 362.600.000 đồng. Bị đơn ông B xác nhận có nhận số tiền trên của bà N nhưng cho rằng đây là tiền bà N tặng cho, bị đơn có nộp tài liệu là Văn bản Vi bằng số 439/2024/VB-TPL ngày 24/9/2024 của Văn phòng T1 lập có nội dung tin nhắn zalo, xét tài liệu này nguyên đơn bà N không thừa nhận, các nội dung tin nhắn zalo được ghi nhận trong văn bằng không có nội dung nào thể hiện nguyên đơn đồng ý tặng cho số tiền 362.600.000 đồng này cho bị đơn ông B, bị đơn không có chứng cứ nào khác chứng minh do đó không có cơ sở xác nhận số tiền bà N đã chuyển khoản cho ông B là tiền tặng cho. Tuy các bên không lập giấy vay mượn nợ nhưng căn cứ vào việc bà N có chuyển khoản cho ông B số tiền 362.600.000 đồng, ông B không chứng minh được đây là tiền bà N tặng cho và ngày 01/8/2023, bà N đã gửi cho ông B thông báo về việc trả lại vốn vay và lãi vay trước thời hạn và ông B đã nhận thông báo trên vào ngày 04/8/2023. Do đó, xét thấy nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Phan Văn B có nghĩa vụ trả số tiền 356.600.000 đồng là có cơ sở. Cấp sơ thẩm căn cứ Điều 463, 466, 468, và 469 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền ông Phan Văn B đã chuyển trả là 6.000.000 đồng, do đó cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 5 và khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đình chỉ phần yêu cầu này của nguyên đơn là đúng quy định.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, thu thập, đánh giá đúng và đầy đủ tài liệu, chứng cứ đối với vụ án; Bản án dân sự sơ thẩm số 854/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật; Nội dung kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm của bị đơn là không có căn cứ, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận và giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cùng quan điểm với Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí do kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 468, và 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Văn B. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 854/2024/DS-ST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Củ chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu buộc ông Phan Văn B trả lại cho bà Đỗ Thị N số tiền 6.000.000đ (sáu triệu đồng) của nguyên đơn.

2. Chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị N đối với bị đơn Phan Văn B.

Buộc bị đơn ông Phan Văn B phải có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị N số tiền 356.600.000đ (ba trăm năm mươi sáu triệu sáu trăm nghìn đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Phan Văn B phải chịu 17.830.000đ (mười bảy triệu tám trăm ba mươi nghìn đồng).

Trả lại cho nguyên đơn bà Đỗ Thị N số tiền tạm ứng án phí là 9.065.000đ (chín triệu không trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền

số 0015009 ngày 12/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Văn B chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng). Cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông B đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0016292 ngày 11/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Cấp cao tại Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp.Hồ Chí Minh;
- TAND huyện Củ Chi, Tp.Hồ Chí Minh;
- Cục THADS Tp.Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi, Tp.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (20).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Anh Minh